

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2022/HC-PT

Ngày: 22-4-2022

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết
khấu nại; Quyết định về việc bồi
thường, hỗ trợ và Buộc thực hiện
hành vi bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2021/HCPT ngày
06/5/2021, về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; Quyết định về
việc bồi thường, hỗ trợ và Buộc thực hiện hành vi bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-
ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo và có
kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng
3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: (vắng
mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A, sinh năm 1982; Địa chỉ:
phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện trú tại: xã D, thành phố
P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch
(vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó chủ tịch (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Thanh S, sinh năm 1979. Địa chỉ: phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A, sinh năm 1982; Địa chỉ: phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện trú tại: tổ 1, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

4. Người kháng cáo: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Diện tích đất 1.055,30m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất 7.000m² do vợ, chồng ông Đặng L và bà Phạm Thị Đ khai khẩn năm 1979 và sử dụng để trồng lúa, khoai mì và một số loại rau ngắn ngày như rau lang, bí.... Đến năm 1988, do chuột phá lúa nên vợ, chồng ông L chuyển sang trồng đào, dừa và xen canh với một số loại hoa màu ngắn ngày để có nguồn thức ăn và thu nhập cho gia đình. Đến năm 1995, do bị ngập phèn nên dừa, đào chết nên vợ, chồng ông L chuyển sang cải tạo đất và trồng tràm trên toàn bộ diện tích đất 7.000m². Quá trình sử dụng vợ, chồng ông L sử dụng liên tục, ổn định và không tranh chấp với ai.

Năm 2014 vợ, chồng ông L chuyển nhượng một phần đất có diện tích 1.008m² (đo đạc thực tế khi thu hồi đất là 1.055,30m²) cho bà Phạm Thị N, có làm giấy tay xác nhận của ông Nguyễn Văn C (Tổ tự quản số 01, khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc) và có hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị H1 và ông Đặng Văn V. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà N trồng thêm tràm, dừa, chuối, xoài, vú sữa, khoai mì..., dựng một căn nhà ở và xây dựng thêm một số công trình như chuồng heo, chuồng gà, cây nước..., sử dụng ổn định cho đến khi thu hồi đất.

Ngày 23/12/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7667/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.055,30m² của bà N để thực hiện dự án “Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang”. Ngày 30/12/2016, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất 1.055,30m² với số tiền là 0 đồng.

Bà N không đồng ý và khiếu nại đến UBND thành phố P yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 1.055,30m²; bồi thường cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ một suất tái định cư. Ngày 19/09/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban

hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N với nội dung: Công nhận bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất 620,14m²; bồi thường cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ một suất tái định cư nhưng không công nhận bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất còn lại 435,16m² với lý do đất sử dụng sau ngày 01/07/2004.

Bà N xác định: Quyết định số 4190/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố P giải quyết khiếu nại có nội dung không công nhận bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà N đối với diện tích đất 435,16m² là không đúng theo quy định của pháp luật. Theo đó bà N khởi kiện vụ án xác định yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

- Hủy một phần Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/09/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại đối với phần nội dung không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

- Hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị N tại Dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc tại phường An Thới (xã Hòn Thơm) thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với số tiền 0 đồng;

- Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cho gia đình bà N theo đúng quy định của pháp luật.

Công văn số 124/UBND-NCPC ngày 13/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P do người đại diện ông Trần Chiến T trình bày:

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố P ký ban hành đúng quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, Điều 29 và Điều 30 của Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND thành phố P giải quyết khiếu nại bằng hình thức quyết định đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung giải quyết: Về nguồn gốc diện tích đất 1.055,3m² bà Phạm Thị N đang khiếu nại:

Năm 1979, ông Đặng L vào khu vực khu phố 6 để phát dọn trồng màu, đến năm 1995 ông Đặng L bỏ đất trống, không canh tác, không sử dụng. Năm 2004, ông Đặng L vào vị trí đất trên để phát dọn trồng tràm bông vàng trên diện tích 4.320m² (trong tổng diện tích 7.296m²), còn lại diện tích 2.976m² ông Đặng L chưa sử dụng, việc sử dụng đất của ông Đặng L được ghi nhận tại biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra tỉnh Kiên Giang ngày 28/6/2004.

Ngày 24/12/2004, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 7.296m² của ông L. Sau đó ông L tiếp tục vào phát dọn trồng tràm bông vàng trên diện tích 2.976m² đất trên. Năm 2014, ông Đặng L làm giấy tay chuyển nhượng diện tích 1.055,3m² cho bà Phạm Thị N sử dụng cất nhà ở và trồng cây lâu năm (trong đó có diện tích 620,14m² nằm trong diện tích 4.320m² ông L sử dụng trước ngày 01/07/2004, theo biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra tỉnh ngày 28/6/2004; diện tích 435,16m² nằm trong diện tích 2.976m² sử dụng sau 01/7/2004).

Ngày 23/12/2016, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7578/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Cấp treo và quần thể khu vui chơi giải trí Hòn Thơm và Quyết định số 7667/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.055,3m² của bà Phạm Thị N. Ngày 30/12/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị N với số tiền 0 đồng.

Ngày 19/9/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4910/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, với nội dung: “*Thống nhất bổ sung Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị N tại dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới, xã Hòn Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Nội dung bổ sung: Bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 620,14m² đất trồng cây lâu năm, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ 01 suất tái định cư cho Phạm Thị N. Không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 435,16m² của bà Phạm Thị N*”.

Việc UBND thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 435,16m² cho bà Phạm Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, vì diện tích đất này ông L, bà N sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Từ những cơ sở nêu trên, khẳng định Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh S do người đại diện ông Trần Văn A trình bày: Thống nhất với nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết của bà Phạm Thị N, không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

- Hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới (xã Hòn Thơm) thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Hủy một phần Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, đối với

phần nội dung: “Không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích đất: 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/02/2021, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N. Ngày 03/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 03/02/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện P nay là thành phố Phú Quốc là ông Trần Chiến T trình bày: Thời điểm năm 2004 khi cơ quan có thẩm quyền thanh tra đất đai thì ông L thừa nhận phần đất này là lấn chiếm, quá trình thu hồi đất và giải quyết khiếu nại sau này thì gia đình ông L thừa nhận lời trình bày trước đây của ông L. Trong biên bản kiểm kê hoa màu năm 2015 thì toàn bộ cây trồng phần lớn trồng được 2 năm, chủ yếu là các cây loại D, từ thời điểm kiểm kê đến thời điểm xác minh thì cho rằng sử dụng đất trồng cây trước đó là không có căn cứ. Quá trình xem xét của UBND huyện P thì xác định ông L đã bị cơ quan quản lý đất đai xử lý, bà N không đăng ký, không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng giữa ông L và bà N là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị đối với Quyết định số 4190.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh S là ông Trần Văn A trình bày: Nội dung kháng nghị và nội dung kháng cáo là không có cơ sở, nội dung khởi kiện của bà N là có căn cứ vì theo lời khai của người làm chứng do Tòa án cấp sơ thẩm xác minh gồm bà Đ, bà T1, ông T2 xác nhận diện tích bà N có nguồn gốc ông L sử dụng 1979, sau đó chuyển sang trồng tràm, trồng dừa và cây ngắn ngày. Năm 2014 ông L chuyển nhượng diện tích này cho bà N, bà N sử dụng cho đến khi thu hồi đất để thực hiện dự án. Tại biên bản đo đạc xác định nguồn gốc đất của ông L xác định diện tích đất đo đạc là hơn 6000m², để trồng tràm và trồng cây. Ông L tiếp tục sử dụng cho đến khi đoàn thanh tra lập biên bản. Quyết định số 4381 của UBND huyện P thu hồi của ông L 7.296m² là sử dụng trước 01/7/2004 nhưng chính quyền địa phương không tổ chức thi hành quyết định này, nên gia đình ông L vẫn sử dụng và đến năm 2014 chuyển nhượng cho bà N. Mặt khác, UBND chỉ bồi thường 620,14m² trên diện tích gia đình bà N đang sử dụng là không hợp lý. Tại biên bản lấy lời khai vợ ông L thì bà Đ xác định diện tích bà N khiếu kiện nằm trong diện tích 7000m² bà N đã bán cho một phần cho bà T1, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày bà T1, ông T3. Đối chiếu bản đồ địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thì có đủ căn cứ xác định

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K kháng nghị cho rằng chưa làm rõ vị trí diện tích bà N nhận chuyển nhượng là không có cơ sở. Gia đình ông L không được bồi thường đối với diện tích 588m², tuy nhiên theo bản án hành chính phúc thẩm năm 2012 của Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận nội dung khởi kiện của ông L, buộc UBND bồi thường cho ông L, trong diện tích đó có diện tích bà N đang khiếu kiện. Từ đó, xác định phần đất bà N sử dụng ổn định không tranh chấp, nên UBND thu hồi mà không bồi thường là không đúng, đề nghị bác kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về các quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện kiểm sát trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của đương sự: người khởi kiện bà Phạm Thị và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh S vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa; người bị kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Chiến T có mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị:

Bà Phạm Thị N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới (xã Hòn Thơm) thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; hủy một phần Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, đối với phần nội dung: “Không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích đất: 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 435,16m².”

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:

[2.1.1] Về thẩm quyền:

Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P là quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P là quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:

Kể từ ngày bà Phạm Thị N có đơn khiếu nại Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P thụ lý, xác minh, tổ chức đối thoại, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và triển khai quyết định cho người khiếu nại đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết khiếu nại có vi phạm Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại.

[2.1.3] Về nội dung của các quyết định bị kiện:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất diện tích đất 1.055,3m² mà bà Phạm Thị N đang khiếu nại có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất 7.296m² do ông Đặng L khai phá. Ông L sử dụng trồng hoa màu diện tích 7.296m² này từ năm 1979 đến năm 1995 thì bỏ trống, không ai sử dụng, đến năm 2004 thì ông L tiến hành phát dọn lại để trồng tràm bông vàng trên phần diện tích 4.320m² còn phần 2.976m² thì chưa phát dọn.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 26/12/2004, UBND huyện P ra Quyết định số 4381/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất 7.296m² do ông L có hành vi lấn, chiếm đất đai trái phép do Nhà nước quản lý, nhưng thực tế chưa thực hiện việc thu hồi, gia đình ông L vẫn tiếp tục sử dụng diện tích 4.320m² có trồng tràm bông vàng còn diện tích 2.976m² ông L không sử dụng.

Cấp sơ thẩm nhận định, tại thời điểm Đoàn Thanh tra tỉnh Kiên Giang do đặc lập biên bản thì ông L đang trực tiếp sử dụng đất nên cấp sơ thẩm công nhận nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất cho ông L (có phần diện tích sau này chuyển nhượng cho bà N) theo diện có quá trình sử dụng liên tục từ trước ngày 01/7/2004 là không phù hợp, chưa đánh giá đúng các chứng cứ trong vụ án. Bởi lẽ, toàn bộ diện tích đất 7.296m² mà ông L cho rằng ông khai khẩn mà có thực tế là đất do Nhà nước quản lý, việc ông L vào sử dụng đất được xác định là có hành vi chiếm đất trái phép nên bị thu hồi. Tại thời điểm UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất 7.296m², ông L là người đang trực tiếp sử dụng đất đồng ý, không khiếu nại, đã nhận Quyết định số 4381/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất 7.296m² và cam kết chấp hành Quyết định này. Việc bà N nhận chuyển nhượng đất của ông L trong khi đất đã bị thu hồi là vi phạm pháp luật. Vì vậy việc UBND thành phố P thu hồi toàn bộ diện tích bà N được nhận chuyển nhượng từ ông L mà không bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng thẩm quyền và phù hợp pháp luật về đất đai.

Cấp sơ thẩm cho rằng không có văn bản giấy tờ nào của cơ quan có thẩm quyền ghi nhận hiện trạng, đo đạc thực tế... từ ngày 01/7/2004 đến nay nên có cơ sở công nhận quá trình sử dụng đất của ông L hoặc bà N đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là không phù hợp, bởi vì ngày 24/12/2004, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 7.296m² của ông L. Năm 2014, ông Đặng L làm giấy tay chuyển nhượng diện tích 1.055,3m² cho bà Phạm Thị N sử dụng cất nhà ở và trồng cây lâu năm (trong đó có diện tích 620,14m² nằm trong diện tích 4.320m² ông L sử dụng trước ngày 01/07/2004, theo biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra tỉnh ngày 28/6/2004; diện tích 435,16m² nằm trong diện tích 2.976m² sử dụng sau 01/7/2004). Như đã nhận định ở trên, việc bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L sau khi nhà nước đã có quyết định thu hồi đất là trái pháp luật. Do đó, không thể căn cứ vào việc bà N sử dụng phần đất này để xem là có quá trình sử dụng đất như nhận định Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp pháp luật đất đai.

Việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 có nội dung không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 435,16m² cho bà Phạm Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật của bà N mà lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P là không có cơ sở, trái pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4910/QĐ-UBND ngày 19/9/2019: UBND thành phố P ban hành về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, với nội dung: *“Thống nhất bổ sung Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị N tại dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới, xã Hòn Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Nội dung bổ sung: Bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 620,14m² đất trồng cây lâu năm, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ 01 suất tái định cư cho Phạm Thị N. Không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 435,16m² của bà Phạm Thị N”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm năm 2016, khi UBND thành phố P thực hiện dự án Cấp treo và quần thể khu vui chơi giải trí Hòn Thơm và ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị N với số tiền 0 đồng, nhưng sau đó UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND có nội dung: Bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 620,14m² đất trồng cây lâu năm, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ 01 suất tái định cư cho bà N là có lợi cho bà N, không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 435,16m² của bà N là có cơ sở, vì bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật trong khi bà N biết đất đã bị thu hồi.

Mặt khác, qua giải quyết khiếu nại thì người bị kiện đã điều chỉnh việc bồi thường cho bà N phần diện tích 620,14m² và 01 suất tái định cư bằng Quyết

định bồi thường bổ sung số 4247/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 là có lợi cho người khởi kiện; bà N đã nhận tiền xong, bà N cũng không khiếu nại phần bồi thường này.

[2.2] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là có cơ sở và kháng nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên các Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, đối với nội dung: “Không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích đất: 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang”.

[3] Về án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện là bà Phạm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 03/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị N về việc:

1.1. Hủy Quyết định số 9016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới (xã Hòn Thơm) thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Hủy một phần Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, đối với phần nội dung: “Không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích đất: 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang”.

1.3. Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 435,16m² tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới,

thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cho gia đình bà N theo đúng quy định của pháp luật.

2/. Về án phí hành chính:

2.1. Án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã tạm nộp theo Biên lai số 0000785 ngày 17/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2.2. Án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000891 ngày 24/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (5), 16b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Minh